

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/KDTM-ST

Ngày 13-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàng Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2024/KTST ngày 03 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 928/2024/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ; Trụ sở: A H, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị T, sinh năm 1996 hoặc bà Nguyễn Lê Đông N, sinh năm 2002 (Theo Giấy ủy quyền số 1405/UQ-PQ ngày 14/5/2024) (bà T có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Hà Văn T1 - Công ty L - Đoàn Luật sư Thành phố H (Có đơn đề nghị vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV V; Trụ sở cũ: 44 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở mới: 182 C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đoàn Quốc B, sinh năm 1979 - Giám đốc; Địa chỉ: 1.23 lô A, chung cư B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Nguyên đơn - Công ty TNHH Đ (sau đây gọi tắt là Nguyên đơn) cùng trình bày của bà Trần Thị T là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì:

Từ năm 2021 đến nay, Nguyên đơn và Công ty TNHH MTV V (sau đây gọi tắt là Bị đơn) có ký kết nhiều hợp đồng vệ sinh công nghiệp cho các dự án của Bị đơn như sau:

1. Hợp đồng dịch vụ số 40/HDDV/PQ-VEC ngày 25/11/2021 về việc thực hiện xử lý ren nứt nền nhà xưởng tại công trình L1, tổng giá trị quyết toán là 291.185.244 đồng (đã bao gồm VAT), Bị đơn đã thanh toán số tiền 282.418.794 đồng, còn nợ lại 8.766.450 đồng chưa thanh toán.

2. Hợp đồng dịch vụ số 192B HDDV/PQ-VEC ngày 19/12/2022 về việc thực hiện tổng vệ sinh nhà xưởng công trình dự án nhà kho mới K, tổng giá trị quyết toán là 298.727.413 đồng (đã bao gồm VAT), Bị đơn đã thanh toán số tiền 268.601.800 đồng, còn nợ lại 30.125.613 đồng chưa thanh toán.

3. Hợp đồng dịch vụ số 2406/23/HDDV/PQ-VEC ngày 24/06/2023 về việc thực hiện tổng vệ sinh nhà xưởng công trình dự án nhà máy M, tổng giá trị quyết toán là 485.085.796 đồng (đã bao gồm VAT), Bị đơn đã thanh toán số tiền 263.200.000 đồng, còn nợ lại 221.885.796 đồng chưa thanh toán.

4. Hợp đồng dịch vụ số 2909/23/HDDV/PQ-VEC ngày 29/09/2023 về việc thực hiện tổng vệ sinh công trình nhà máy Công ty TNHH N1, tổng giá trị quyết toán là 106.923.510 đồng (đã bao gồm VAT), Bị đơn đã thanh toán số tiền 15.600.000 đồng, còn nợ lại số tiền 91.323.510 đồng chưa thanh toán.

5. Hợp đồng dịch vụ số 410/23/HDDV/PQ-VEC ngày 04/10/2023 về việc thực hiện tổng vệ sinh công trình dự án nhà máy K1, tổng giá trị quyết toán là 405.015.590 đồng (chưa bao gồm VAT), Bị đơn đã thanh toán số tiền 84.900.000 đồng, còn nợ lại số tiền 320.115.590 đồng chưa thanh toán.

6. Hợp đồng về việc thực hiện vệ sinh nhà anh B ngày 21/1/2023, tổng giá trị quyết toán là 38.675.000 đồng (chưa bao gồm VAT) Bị đơn chưa thanh toán.

Các bên thống nhất sau khi Nguyên đơn thực hiện tổng vệ sinh nhà xưởng xong các hạng mục công việc theo các hợp đồng thì Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn 100% giá trị thi công thực tế (*bao gồm khấu trừ phần tạm ứng đợt 1*). Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng nhưng Bị đơn liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 24/01/2024, Bị đơn gửi cho Nguyên đơn Công văn số 2401/2024/CV-VEC về việc gia hạn thời hạn thanh toán với nội dung như sau: “...*Bằng công văn này, VEC xin thông báo đến Quý Công ty Đ về việc VEC sẽ cam kết thanh toán đầy đủ cho Công ty Đ các khoản phải thanh toán số tiền đang nợ là 710.891.959 đồng chậm nhất là trước ngày 15/04/2024*”.

Ngày 02/02/2024, hai bên tiến hành ký kết Biên bản đối chiếu công nợ số 001/24/BBĐCCN, theo đó tổng số dư công nợ từ ngày 01/11/2021 đến ngày 02/02/2024 Bị đơn còn phải thanh toán cho Nguyên đơn là 710.891.959 đồng. Thời điểm ký đối chiếu công nợ, giữa hai bên còn một hợp đồng và một thỏa thuận miệng về việc thực hiện vệ sinh chưa hoàn thành xong nên không đưa vào Biên bản đối chiếu công nợ nhưng đã được hai bên ký xác nhận bằng tổng hợp giá trị quyết toán, cụ thể như sau:

Ngày 11/12/2023, hai bên ký kết Hợp đồng số 111.23/HDDV/PQ-VEC về việc thực hiện tổng vệ sinh công trình nhà xưởng Công ty N2, tổng giá trị quyết toán là

73.923.975 đồng (đã bao gồm VAT), Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 34.224.062 đồng, còn lại 39.699.913 đồng chưa thanh toán.

Kế tiếp, hai bên thỏa thuận miệng Nguyên đơn tiếp tục thực hiện thi công tổng vệ sinh lần 2 tại dự án nhà xưởng Công ty N2 với tổng giá trị quyết toán là 32.000.000 đồng (chưa bao gồm VAT) Bị đơn chưa thanh toán.

Căn cứ bảng tổng hợp quyết toán có xác nhận của Bị đơn thể hiện tổng số dư công nợ phát sinh Bị đơn chưa thanh toán là 71.699.913 đồng.

Như vậy, tổng số dư công nợ mà Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn là 782.591.872 đồng. Ngày 27/04/2024, Bị đơn thanh toán số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền 682.591.872 đồng còn lại Nguyên đơn nhiều lần gửi đề nghị thanh toán nhưng Bị đơn không thực hiện. Nay Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 682.591.872 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 25/5/2024 đến ngày 13/01/2025 theo mức lãi suất 12%/năm là 52.288.407 đồng, tổng cộng là 734.880.279 đồng trả một lần ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn - Luật sư Hà Văn T1 vắng mặt nhưng có Văn bản trình bày ý kiến ngày 13/01/2025 gửi Tòa án với nội dung chính như sau: Từ năm 2021 đến cuối năm 2023, Nguyên đơn và Bị đơn có ký kết nhiều hợp đồng vệ sinh công nghiệp cho các dự án của Bị đơn. Nguyên đơn đã triển khai và hoàn thành toàn bộ công việc nhưng Bị đơn nhiều lần không thanh toán đầy đủ cho Nguyên đơn. Hai bên đã tiến hành ký Biên bản đối chiếu công nợ số 001/24/BBĐCCN ngày 02/02/2024, theo đó Bị đơn xác nhận còn thiếu Nguyên đơn tất cả các hợp đồng hai bên đã ký tổng số tiền là 710.891.959 đồng. Cùng thời điểm đó, hai bên có thêm 1 hợp đồng và 1 thỏa thuận miệng về việc thực hiện tổng vệ sinh nhà xưởng Công ty N2, Nguyên đơn đã hoàn thành công việc nhưng Bị đơn còn thiếu số tiền 71.699.913 đồng chưa thanh toán theo thỏa thuận. Ngày 27/4/2024, Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Bị đơn còn thiếu Nguyên đơn là 682.591.872 đồng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn trả số tiền nợ gốc 682.591.872 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 25/5/2024 đến ngày 13/01/2025 theo mức lãi suất 12%/năm là 52.288.407 đồng, tổng cộng là 734.880.279 đồng trả một lần ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Bà Trần Thị T trình bày: Đối với số tiền nợ gốc, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu Bị đơn thanh toán 682.591.872 đồng; đối với số tiền lãi, tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn xác nhận yêu cầu Bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 25/5/2024 đến ngày 13/01/2025 theo mức lãi suất 11,8%/năm tương đương số tiền 51.416.934 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán là 734.008.806 đồng trả ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền dịch vụ theo Hợp đồng hai công ty đã ký, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc tham gia phiên Tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng:

- Xét Giấy ủy quyền số 1405/UQ-PQ ngày 14/5/2024 của Nguyên đơn là ủy quyền hợp lệ nên bà Trần Thị T có đủ tư cách đại diện Nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng Bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1.1] Xét yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 682.591.872 đồng nợ gốc của Nguyên đơn, thấy:

Căn cứ các hợp đồng dịch vụ đã ký giữa Nguyên đơn và Bị đơn.

Căn cứ công văn số 2401/2024/CV-VEC ngày 24/01/2024 của Bị đơn gửi Nguyên đơn về việc gia hạn thời hạn thanh toán, theo đó Bị đơn đề nghị Nguyên đơn hỗ trợ thời gian thanh toán chậm nhất là trước ngày 15/4/2024.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ số 001/24/BBĐCCN ngày 02/2/2024, Bị đơn thừa nhận hiện còn nợ Nguyên đơn số tiền 710.891.959 đồng.

Căn cứ các Bảng tổng hợp giá trị quyết toán được ký giữa Nguyên đơn và Bị đơn thể hiện tổng số tiền Bị đơn còn thiếu Nguyên đơn là 71.699.913 đồng.

Ngày 27/4/2024, Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng.

Căn cứ thông báo số 21.05 ngày 21/5/2024, Nguyên đơn đề nghị Bị đơn thanh toán khoản công nợ còn thiếu trước ngày 24/5/2024 nhưng Bị đơn vẫn không thực hiện.

Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở xác định Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền 682.591.872 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Thương mại năm 2005 quy định về nghĩa vụ của khách hàng thì Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền cung ứng dịch vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng nhưng Bị đơn thực hiện không đầy đủ làm ảnh hưởng quyền lợi chính đáng của Nguyên đơn. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.2] Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm trả từ ngày 25/5/2024 đến ngày Tòa xử 13/01/2024 theo mức 11,8%/năm tương đương số tiền 51.416.934 đồng, thấy:

- *Về thời gian tính lãi:* Xét số tiền nợ gốc đã được Bị đơn xác nhận, có cam kết trả từ ngày 15/4/2024 nhưng vi phạm nghĩa vụ trả. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 25/5/2024 đến ngày 13/01/2025 là có tạo điều kiện và có lợi cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về lãi suất:* Quá trình thực hiện hợp đồng, Hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng do Bị đơn liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức 11,8%/năm. Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác”. Đối chiếu với quy định pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ theo biểu lãi suất cho vay trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng là tổ chức/doanh nghiệp của các ngân hàng thể hiện: Ngân hàng N3 (A) là 5,5%/năm, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (V1) là 12,0%/năm, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N4 (V2) là 6,1%/năm. Lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên là $(5,5\% + 12,0\% + 6,5\%) : 3 \times 150\% = 11,8\%/năm$. Như vậy, mức lãi suất Nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể Bị đơn phải trả như sau: $682.591.872 \text{ đồng} \times 11,8\%/năm \times 233 \text{ ngày} = 51.416.934 \text{ đồng}$.

[2.1.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu làm ảnh hưởng quyền lợi chính đáng của Nguyên đơn, nay Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.2] *Xét ý kiến bị đơn*: Như đã nêu trên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, do đó Tòa án không có cơ sở để xem xét ý kiến Bị đơn.

[3] *Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh*: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Bị đơn phải chịu án phí 33.360.352 đồng. Hoàn lại số tiền 15.815.094 đồng tạm ứng án phí cho Nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 85, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH Đ:

Buộc Công ty TNHH MTV V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền 734.008.806 (bảy trăm ba mươi bốn triệu không trăm lẻ tám ngàn tám trăm lẻ sáu) đồng bao gồm: nợ gốc 682.591.872 (sáu trăm tám mươi hai triệu năm trăm chín mươi một ngàn tám trăm bảy mươi hai) đồng, tiền lãi 51.416.934 (năm mươi một triệu bốn trăm mười sáu ngàn chín trăm ba mươi bốn) đồng.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH MTV V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV V phải chịu án phí là 33.360.352 (ba mươi ba triệu ba trăm sáu mươi ngàn ba trăm năm mươi hai) đồng.

- Hoàn lại 15.815.094 (mười lăm triệu tám trăm mười lăm ngàn không trăm chín mươi bốn) đồng tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH Đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002043 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hoàng Mai